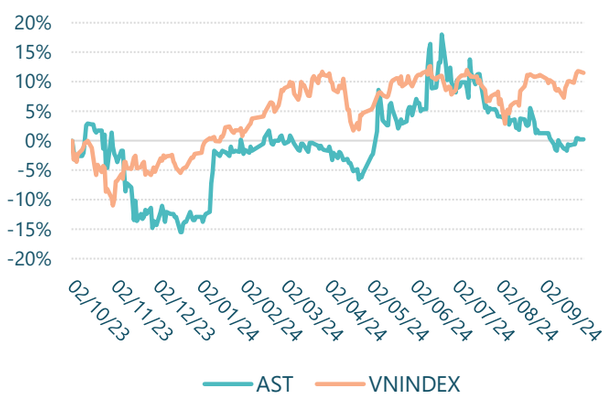
CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (HSX: AST)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	57,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**-8.1%**	**1.3%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,041 - 67,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,565
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,260
Sở hữu nước ngoài	43.4%
Beta	0.58
EPS	3,016
P/E	18.9

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

329

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 6.2%

YoY: ▲ 44.0 | 15.5%

Nợ/VCSH

Q3/24

29.4%

YoY: +/-▼ 2.0%

LN gộp

Q3/24

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 7.3%

YoY: ▲ 34.0 | 20.0%

ROE (TTM)

Q3/24

22.4%

YoY: +/-▲ 0.4%

LN trước thuế

Q3/24

64.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.70 | 17.8%

YoY: ▲ 20.2 | 45.8%

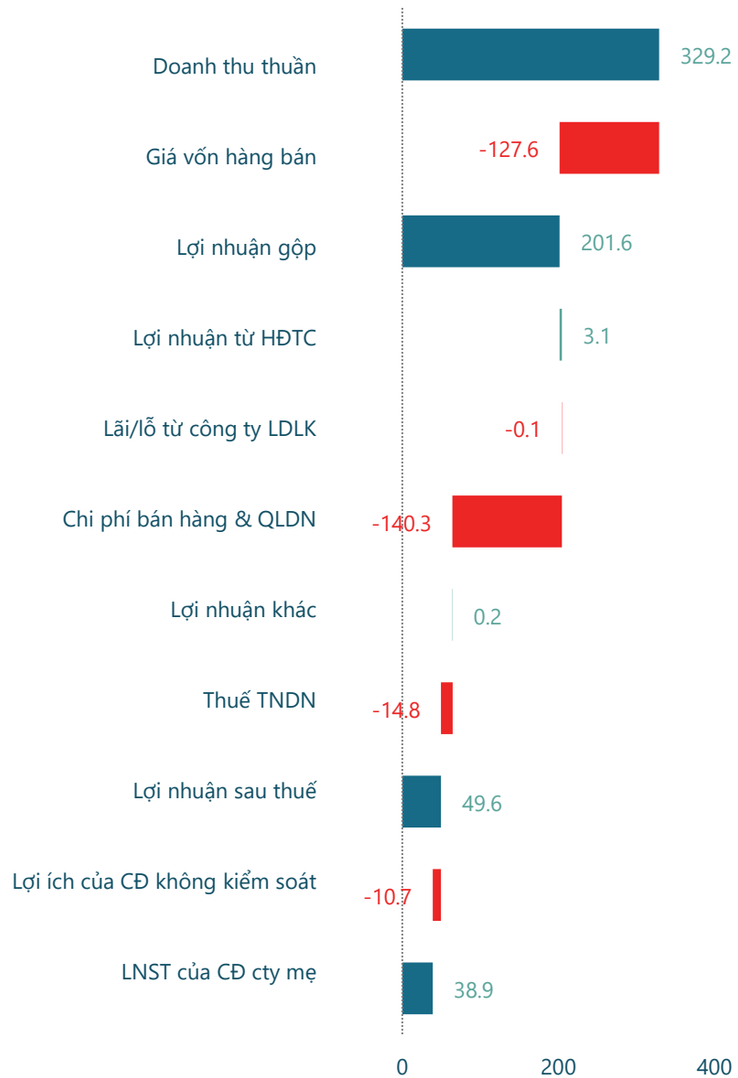
ROA (TTM)

Q3/24

17.5%

YoY: +/-▲ 0.3%

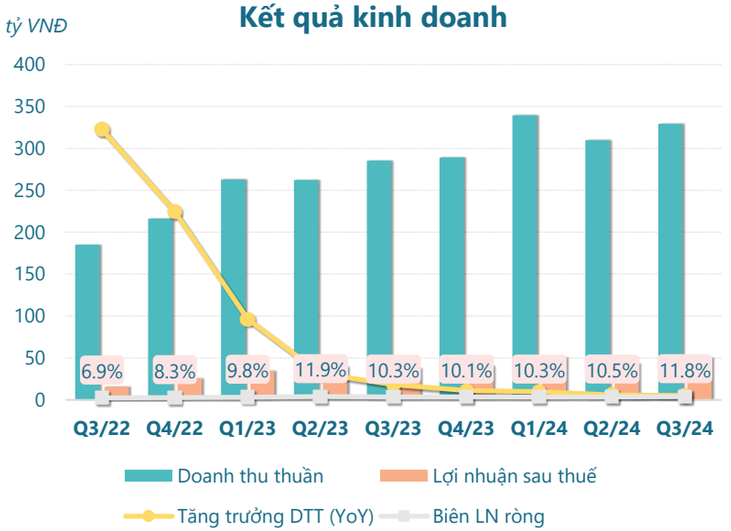
Kết quả kinh doanh Q3/24



CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (HSX: AST)

FireAnt

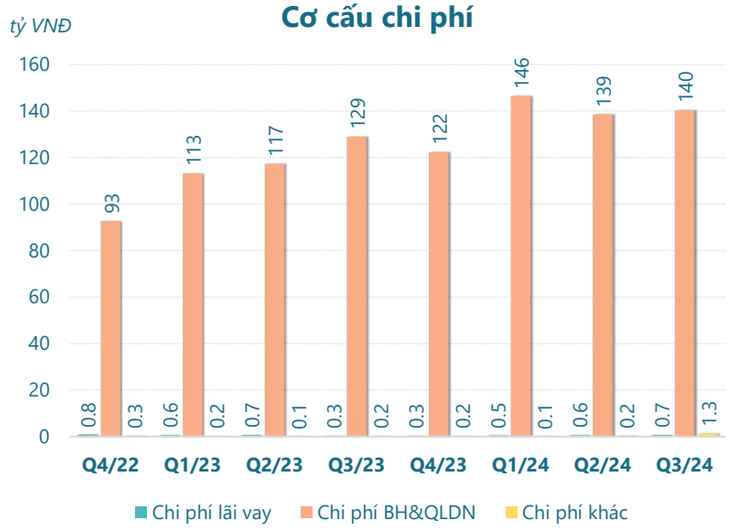
Kết quả kinh doanh



Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 64.27 tỷ đồng**, tăng thêm 22.3% so với kỳ trước và cao hơn 51.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 3.12 tỷ đồng**, giảm đi 15.2% so với kỳ trước và thấp hơn 15.0% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.17 tỷ đồng**, giảm đi 92.2% so với kỳ trước và thấp hơn 90.3% so với cùng kỳ năm trước.

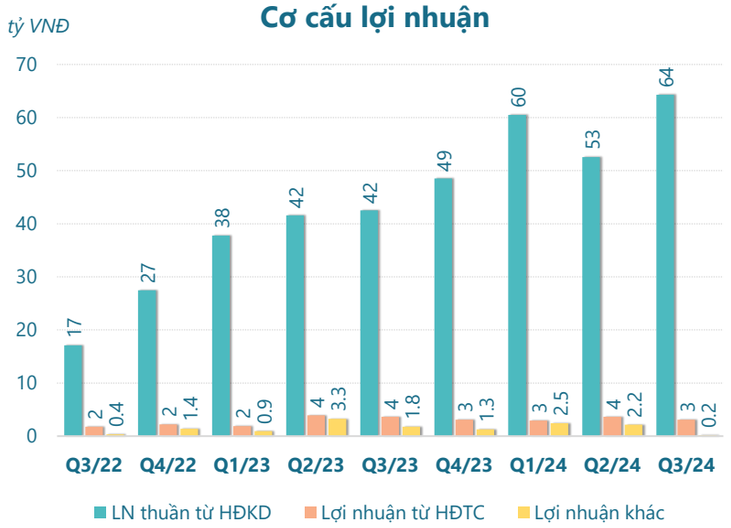
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **AST** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **329.2 tỷ đồng** tăng thêm **15.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 49.64 tỷ đồng**, **tăng trưởng 33.1%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **979.0 tỷ đồng** cao hơn 20.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 143.0 tỷ đồng** cao hơn 28.8% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.66 tỷ đồng** tăng thêm 15.8% so với kỳ trước và cao hơn 128% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **140.3 tỷ đồng** tăng thêm 1.27% so với kỳ trước và cao hơn 8.82% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **1.32 tỷ đồng** tăng thêm 474% so với kỳ trước và cao hơn 560% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (HSX: AST)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**329**	**310**	**6.2%**	**285**	**15.5%**	**979**	**810**	**20.7%**
Giá vốn hàng bán	128	121	5.4%	117	9.0%	382	341	12.0%
Lợi nhuận gộp	202	188	7.3%	168	20.0%	597	469	27.1%
Doanh thu HĐTC	4.19	4.21	-0.4%	4.45	-5.7%	13.2	12.4	6.6%
Chi phí TC	1.07	0.53	103%	0.79	35.9%	3.49	2.88	21.1%
Chi phí lãi vay	0.66	0.57	16.3%	0.29	129%	1.69	1.59	6.3%
LN trong công ty LKLD	**-0.14**	**-1.04**	**86.2%**	**-0.06**	**-140%**	**-3.63**	**2.47**	**-247%**
Chi phí bán hàng	93.2	91.3	2.1%	84.4	10.5%	283	234	21.0%
Chi phí QLDN	**47.1**	**47.3**	**-0.4%**	**44.6**	**5.6%**	**143**	**126**	**13.5%**
LN thuần từ HĐKD	64.3	52.5	22.4%	42.5	51.2%	177	122	45.5%
Lợi nhuận khác	**0.17**	**2.17**	**-92.3%**	**1.75**	**-90.4%**	**4.81**	**5.94**	**-19.1%**
LN trước thuế	64.4	54.7	17.8%	44.2	45.8%	182	128	42.5%
Lợi nhuận sau thuế	**49.6**	**43.0**	**15.4%**	**37.3**	**33.1%**	**143**	**111**	**29.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**38.9**	**32.6**	**19.4%**	**29.3**	**32.8%**	**106**	**86.4**	**23.3%**

